

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2018
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang
2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Cẩm Thu, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, về vụ: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1981 (Có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú hiện nay: Khóm 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị Q trình bày: Chị với anh Nguyễn Minh Đ do mai mối, tìm hiểu nhau khoảng hai tháng quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C vào ngày 07/3/2005. Nữ trang cưới gồm 3,6 chỉ vàng 24Kra, vợ chồng đã thống nhất bán hết để mua xe làm phương tiện đi lại. Sau ngày cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh Đ tại Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hàng ngày, anh Đ đi làm phụ hồ, chị làm nội trợ, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ không lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu về có lời nói thô tục chửi, xúc

phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị và cha mẹ vợ, anh Đ còn đập phá tài sản trong gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng chị, gia đình hai bên và Chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm nên đến ngày 14/10/2017 chị về nhà cha mẹ ruột tại Khóm 8, thị trấn C, tỉnh Trà Vinh sống và ly thân với anh Đ cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2005 hiện đang sống chung với anh Đ và Nguyễn Minh N, sinh ngày 31/5/2016 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh N do cháu chưa đủ 03 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Thị Phương N muốn sống chung với chị hay anh Đ do cháu quyết định. Việc cấp dưỡng nuôi chị chưa đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 chiếc xe mô tô hiệu NAGAKI, biển kiểm soát 84H6-6299 do anh Nguyễn Minh Đ đứng tên sở hữu và một căn nhà có kết cấu cột bằng tre, mái lá, vách lá cất nhờ trên đất do mẹ chồng là bà Định Thị G đứng tên quyền sử dụng đất. Toàn bộ tài sản này hiện anh Đ đang quản lý sử dụng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Vợ chồng không thiếu nợ ai cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25 tháng 12 năm 2017, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/01/2018 anh Nguyễn Minh Đ có lời trình bày như sau: Anh thống nhất như lời trình bày của vợ anh là chị Phạm Thị Q về việc kết hôn, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh thừa nhận trong cuộc sống thường xuyên uống rượu và có lời nói thô tục chửi, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của vợ và cha mẹ vợ. Sự việc gần đây có được chính quyền địa phương lập biên bản giải quyết nhưng anh vẫn chưa khắc phục được khuyết điểm nên chị Q giận và bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, từ tháng 10/2017 vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Q do còn thương vợ, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Q và anh ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Minh N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thị Phương N hiện do anh nuôi dưỡng, và anh tôn trọng nguyện vọng của cháu N. Nếu cháu N muốn sống chung với anh, anh đồng ý nuôi dưỡng và chưa yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh không có tranh chấp, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2018 cháu Nguyễn Thị Phương N có ý kiến như sau: Cháu là con ruột của chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Minh Đ. Nếu chị Q và anh Đ không tiếp tục sống chung với nhau nữa thì nguyện vọng của cháu được sống chung với anh Nguyễn Minh Đ.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Phương N cho anh Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, giao cháu Nguyễn Minh N cho chị Q nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Q, anh Đ chưa có yêu cầu, đề nghị không xét. Về tài sản chung chị Q, anh Đ không tranh chấp và nợ chung chị Q, anh Đ khai không có đề nghị không xét. Về án phí, buộc chị Q nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết quyền nuôi con đối với anh Nguyễn Minh Đ có nơi cư trú tại Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[3] Anh Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

Về nội dung:

[4] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Minh Đ tự nguyện kết hôn

vào năm 2005, hôn nhân của chị Q và anh Đ được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 26 quyển số 01/2005 vào ngày 12 tháng 9 năm 2005. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị Q và anh Đ là hợp pháp.

[5] Sau ngày cưới, chị Q và anh Đ chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ không lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu về nhà có lời nói thô tục chửi, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị Q và cha mẹ vợ, còn hủy hoại đồ dùng trong gia đình. Chị Q, gia đình hai bên nhiều lần khuyên can, chính quyền địa phương cũng lập biên bản giải quyết việc anh Đ uống rượu có lời nói thô tục, chửi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị Q và cha mẹ vợ nhưng anh không sửa đổi mà ngày càng phát sinh nhiều hơn, anh Đ còn dọa giết chị Q và cha mẹ vợ.

[6] Xét thấy, Hôn nhân của chị Q và anh Đ đã lâm lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*” và Điều 21 có quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*” nhưng chị Q và anh Đ không thực hiện nghĩa vụ này với nhau, từ tháng 7 năm 2017 chị Q và anh Đ đã sống ly thân. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh còn tình cảm với chị Q. Tại biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương Khóm 9 và bà Đinh Thị G là mẹ ruột của anh Đ đã xác nhận có sự việc anh Đ thực hiện các hành vi như nêu trên. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 25/12/2017 của Tòa án đối với anh Đ, anh trình bày “...*nếu Q cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với Q*”, điều này thể hiện bản thân anh Đ cũng không còn tha thiết được tiếp tục sống chung với chị Q. Do đó, có căn cứ cho chị Q được ly hôn anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] *Về con chung*: Chị Q và anh Đ có hai người con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2005 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 31/5/2016. Cháu N hiện đang học lớp 7, sống ổn định cùng anh Đ và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh Đ, chị Q thống nhất để cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Minh N chưa đủ 36 tháng tuổi, chị Q yêu cầu được quyền nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của cháu N và yêu cầu nuôi con của chị Q là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Phương N cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Minh N cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[8] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Q và anh Đ chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] *Về tài sản chung*: Chị Q và anh Đ xác định vợ chồng có 01 chiếc xe mô tô

hiệu NAGAKI, biển kiểm soát 84H6-6299 do anh Nguyễn Minh Đ đứng tên sở hữu và một căn nhà có kết cấu cột bằng tre, mái lá, vách lá cất nhờ trên thửa đất do bà Định Thị G đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên, chị Q và anh Đ không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[10] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Q và anh Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] *Về án phí*: Chị Q là nguyên đơn khởi kiện nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Chị Phạm Thị Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 31/5/2016 và anh Nguyễn Minh Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 06/12/2005.

Sau khi ly hôn, chị Q và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết chị Q và anh Đ có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh Đ chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Chị Q và anh Đ không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Q và anh Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0014409 ngày 20/12/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu, chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phạm Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Riêng anh Nguyễn Minh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang